

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v “ Xin ly hôn, nuôi con
chia tài sản”

1

Vào năm 2016 chị và anh Ngô Văn T do mai mối và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 10/04/2017. Trong ngày cưới gia đình anh T có cho chị 10 chỉ vàng 24k. Sau khi cưới vợ chồng thống nhất bán toàn bộ nữ trang cưới để mua 01 chiếc xe hiệu Winer của hãng xe Honda biển số 64 – H1 179.20 do chị đứng tên chủ sở hữu, nhưng anh T là người quản lý, sử dụng xe từ lúc mua cho đến nay.

Sau khi cưới chị về sống bên gia đình chồng tại ấp Mỹ T, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm, thì mâu thuẫn phát sinh từ lúc chị sinh con, do sau khi sinh chị về nhà cha mẹ ruột để cha mẹ tiện chăm sóc cho chị và con. Chồng chị không thường xuyên chăm sóc chị mà còn khùng bố tinh thần chị như chồng chị cùng hai người bạn đi Cần Thơ nhậu hết tiền nên cầm xe do hai vợ chồng mua mà còn nói với chị là muốn cưới vợ khác. Trong thời gian chị về nhà mẹ thì toàn bộ chi phí ăn uống, sinh hoạt của chị đều do mẹ chị lo, khi con chị được khoảng 06 tháng thì anh T có đưa tiền cho chị 7.000.000 đồng để lo cho việc ăn uống, nuôi con nhưng khi chị sử dụng hết số tiền này mặc dù chị đã nói cho anh T biết là chị đã dùng vào việc gì thì anh T không hiểu và thông cảm cho chị mà còn có những lời lẽ xúc phạm chị, cho rằng chị ăn xài phung phí. Từ đó, anh T không để chị giữ tiền, luôn khắt khe chuyện tiền bạc với chị làm cho vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ tháng 7/2017 nhân dịp bên nhà mẹ chị sửa nhà, chị mới xin phép bên chồng về phụ giúp và chị đã ở luôn bên nhà mẹ cho đến nay. Trong thời gian này, anh T có 02 lần đến động viên, năn nỉ chị về, chị cũng có ý định quay về để con chị có cha lẫn mẹ. Tuy nhiên, ngày hôm trước thì anh T năn nỉ, nhưng ngày hôm sau thì anh T đem quần áo, vật dụng đem qua nhà mẹ chị nói là mẹ chồng chị trả hết cho nhà chị và kêu chị đừng có về nữa, mẹ chồng chị đã hai lần làm như vậy. Kể từ ngày chị về nhà mẹ cho đến nay chồng chị không có trách nhiệm với vợ con mà còn nhắn tin là muốn cưới vợ khác, tức quá chị có nói là muốn vậy thì ly dị thì chồng chị không có hành động gì để niều kéo hạnh phúc vợ chồng mà ngược lại còn có thái độ thờ ơ, thách thức chị ly hôn.

Trong thời gian chung sống anh T thường xuyên sử dụng bạo lực gia đình với chị là xua đuổi, gây áp lực về tâm lý với chị và gia đình chị, tuy anh T không có đánh đập chị, nhưng những việc làm của anh T đã làm tổn hại đến tinh thần của chị làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung là Ngô Lê Bá T1, sinh ngày 23/02/2017. Hiện con do chị chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh T có tài sản chung là 01 chiếc xe hiệu Winer của hãng xe Honda, biển số 64H1 179.20 do chị đứng tên chủ sở hữu, giá trị lúc mua là 45 triệu đồng. Từ lúc mua xe cho đến nay anh T là người sử dụng xe máy.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống chị và anh T có mượn tiền của cha mẹ chị là ông Lê Văn Mười H và bà Thạch Thị Kim L số tiền 12.000.000 đồng để mua xe, vì lúc mua xe không có đủ tiền nên mượn thêm cho đủ.

Chị không có mượn 5,5 chỉ vàng 18k của mẹ chồng là bà Nguyễn Thị L1. Trước đây mẹ chồng có cho chị 01 nhẫn 0,8 chỉ vàng 18k hiện nay chị còn giữ

nhưng là mẹ chồng cho. Khi mới về sống với anh T thì anh T có đưa cho chị 01 nhẫn 03 chỉ vàng 18k, chiếc nhẫn này thì 04 tháng nay chồng chị không chăm lo con nên chị đã bán để nuôi con nên không còn. Vì vậy, chị không đồng ý trả vàng theo yêu cầu của bà L1.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn T

Về con chung: chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hiện nay chị đang nuôi con nên chưa đi làm. Chị có điều kiện nuôi con vì chị đang sống với cha mẹ và chị có người chị ở nước ngoài cho tiền chị để nuôi con.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T tiếp tục quản lý, sử dụng chiếc xe hiệu Winer của hãng xe Honda, biển số 64H1 – 179.20, anh T có trách nhiệm hoàn lại cho chị $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe bằng 22.500.000 đồng. Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác.

Về nợ chung: Chị và anh T có mượn của cha mẹ chị số tiền 12.000.000 đồng. Nay anh T phải trả cho cha mẹ chị là ông Lê Văn Mười H và bà Thạch Thị Kim L số tiền là 6.000.000 đồng.

- Bị đơn anh Ngô Văn T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của Lê Thị Trinh Đ về quá trình hôn nhân, về nữ trang cưới, về con chung.

Về mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như tình cảm vợ chồng, do Đ thường xuyên bỏ về nhà mẹ ruột ở ấp Đông T, thị xã BM sống, anh có xuống nhà cha mẹ vợ năn nỉ kêu Đ về nhiều lần, cha mẹ của anh có xuống 02 lần kêu Đ về nhưng Đ cũng không chịu về. Anh và Đ sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được nữa.

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định không còn tình cảm với Đ nên anh đồng ý ly hôn với Đ.

Về con chung: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con là Ngô Lê Bá T1, anh không yêu cầu Đ cấp dưỡng nuôi con, hiện nay anh làm ruộng và bán tạp hóa thu nhập trung bình một tháng là 7.000.000 đồng, anh có tài sản riêng là nhà và đất ruộng, nếu Đ được nuôi con thì anh không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh và Đ có bán sổ vàng cưới là 10 chỉ vàng 24k để mua 01 chiếc xe hiệu Winer của hãng xe Honda, biển số 64H1 – 179.20 do Đ đứng tên chủ quyền xe, xe mua vào năm 2016, hiện nay còn lại 80% giá trị khoảng 40.000.000 đồng. Chiếc xe này từ khi mua đến nay do anh quản lý, sử dụng. Anh đồng ý chia đôi giá trị chiếc xe này, anh giao xe cho Đ sử dụng, Đ hoàn lại cho anh số tiền 20.000.000 đồng. Chiếc nhẫn Đ nói bán rồi là 3,5 chỉ vàng 18k của mẹ anh cho anh mượn đeo, khi Đ về nhà cha mẹ ruột thì Đ đem theo. Ngoài ra anh không còn yêu cầu nào khác.

Về nợ chung: Vợ chồng có mượn của cha mẹ vợ là ông Lê Văn Mười H và bà Thạch Thị Kim L số tiền là 12.000.000 đồng để thêm tiền mua chiếc xe nêu trên, anh đồng ý là anh và Đ mỗi người có trách nhiệm trả cho ông Mười H và bà L số tiền là 6.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Vào năm 2016 con trai bà là Ngô Văn T cưới Lê Thị Trinh Đ, khi đám cưới bà có cho con dâu 10 chỉ vàng 24k gồm đôi bông, dây chuyền và lắc. Khi về sống chung được một thời gian thì vợ chồng T đem bán số vàng cưới để mua xe, vì bà thấy con bà và con dâu không có vàng đeo nên bà mới cho mượn 02 chiếc nhẫn trọng lượng là 5,5 chỉ vàng 18k (một chiếc 3,5 chỉ, một chiếc 02 chỉ), hiện Đ đang giữ số vàng này. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lê Thị Trinh Đ trả cho bà 02 chiếc nhẫn trọng lượng là 5,5 chỉ vàng 18k (một chiếc 3,5 chỉ, một chiếc 02 chỉ). Ngoài ra bà không yêu cầu nào khác.

- Ông Lê Văn Mười H trình bày: Vào năm 2016 con gái ông là Lê Thị Trinh Đ cưới Ngô Văn T. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng ông có cho Đ và T mượn 12.000.000 đồng chưa trả. Nay Đ và T ly hôn thì mỗi người phải trả cho vợ chồng ông là 6.000.000 đồng, nhưng do Đ là con gái và đang sống cùng với vợ chồng ông nên vợ chồng ông không yêu cầu Đ trả số tiền là 6.000.000 đồng. Vợ chồng ông yêu cầu T trả cho vợ chồng ông số tiền 6.000.000 đồng.

- Bà Thạch Thị Kim L trình bày: Bà đồng ý với ý kiến của chồng bà là Lê Văn Mười H. Ngoài ra bà không yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

- Chị Đ vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Ngô Văn T.

Về con chung: Ngô Lê Bá T1, sinh ngày 23/02/2017 chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh Tài cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Tài tiếp tục quản lý, sử dụng chiếc xe hiệu Winer của hãng xe Honda, biển số 64H1 – 179.20, anh T có trách nhiệm hoàn lại cho chị $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe. Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác.

Về nợ chung: Chị và anh T có mượn của cha mẹ chị số tiền 12.000.000 đồng. Nay anh Tài phải trả cho cha mẹ chị số tiền là 6.000.000 đồng.

- Bà Thạch Thị Kim L yêu cầu T trả cho vợ chồng bà số tiền 6.000.000 đồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Về nội dung: áp dụng Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 51, 59, 60, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 26, điểm a, e khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử Công nhận chị Lê Thị Trinh Đ và anh Ngô Văn T thuận tình ly hôn; Giao cháu Ngô Lê Bá T1 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; Anh T được tiếp tục sở hữu 01 xe Honda hiệu Winer biển số 64H1 – 179.20 do chị Lê Thị Trinh Đ đứng tên, anh T phải có nghĩa vụ trả cho cho chị Đ một nửa tiền giá trị xe máy là 18.438.400 đồng, anh T có nghĩa vụ đi đăng ký lại.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Mười H và bà Thạch Thị Kim L: Anh Ngô Văn T phải trả cho ông Lê Văn Mười H và bà Thạch Thị Kim L số tiền là 6.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L1 về việc yêu cầu chị Lê Thị Trinh Đ trả số vàng là 5,5 chỉ vàng 18k.

Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, án phí chia tài sản là 922.000 đồng; anh T phải chịu án phí là 1.222.000 đồng. Riêng bà L1 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Ngô Văn T, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn Mười H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Trinh Đ và anh Ngô Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hợp pháp.

[3] Xét từ tháng 7/2017 đến nay chị Đ và anh T không còn chung sống với nhau, giữa hai người không hàn gắn được tình cảm, mâu thuẫn càng trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ. Do đó, hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Trinh Đ được ly hôn anh Ngô Văn T.

[4] Về con chung: chị Lê Thị Trinh Đ và anh Ngô Văn T có một con chung là Ngô Lê Bá T1, sinh ngày 23/02/2017, chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Anh T yêu cầu được nuôi cháu T1. Theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Xét yêu cầu của chị Đ là phù hợp bởi vì từ khi chị Đ và anh T không chung sống với nhau thì chị Đ nuôi dưỡng con, cuộc sống của con vẫn được đảm bảo và ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận chị Lê Thị Trinh Đ được trực tiếp nuôi con là Ngô Lê Bá T1. Chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị Đ nên được chấp nhận.

[5] Chị Đ và anh T tranh chấp tài sản chung là 01 chiếc xe Honda hiệu Winer biển số 64H1 – 179.20 do chị Lê Thị Trinh Đ đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007584 do Công an thị xã Bình Minh cấp ngày 20/10/2016. Căn cứ vào hóa đơn mua xe ngày 19/10/2016 thì chiếc xe này có giá là 43.000.000 đồng. Chị Đ và anh T đều thừa nhận từ khi mua xe đến nay thì anh T là người thường xuyên sử dụng và hiện nay chiếc xe máy này đang do anh T quản lý. Xét chiếc xe máy là tài sản chung của chị Đ và anh T. Anh T được quyền sở hữu chiếc xe và phải trả một nửa tiền giá trị xe cho chị Đ. Theo biên bản định giá tài sản ngày

22/3/2018 thì chiếc xe máy này có giá trị còn lại là 36.876.800 đồng. Vì vậy, anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị Đ số tiền là 18.438.400 đồng.

[6] Xét ông Lê Văn Mười H và bà Thạch Thị Kim L yêu cầu anh Ngô Văn T trả số tiền 6.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Vì chị Đ và anh T đều thừa nhận là trong thời gian chung sống có vay của ông Lê Văn Mười H và bà Thạch Thị Kim L số tiền là 12.000.000 đồng. Nay ông Lê Văn Mười H và bà Thạch Thị Kim L không yêu cầu chị Đ trả phần của chị Đ nên không xem xét giải quyết. Anh T đồng ý trả cho ông Lê Văn Mười H và bà Thạch Thị Kim L phần của anh T 6.000.000 đồng là được chấp nhận.

[7] Xét bà Nguyễn Thị L1 yêu cầu chị Lê Thị Trinh Đ trả số vàng 5,5 chỉ vàng 18k là không có căn cứ chấp nhận. Vì bà L1 cho rằng trong thời gian chị Đ và anh T chung sống thì bà có cho chị Đ mượn 02 chiếc nhẫn trọng lượng là 5,5 chỉ vàng 18k (một chiếc 3,5 chỉ, một chiếc 02 chỉ) nhưng chị Đ không thừa nhận. Tòa án có yêu cầu bà L1 cung cấp chứng cứ để chứng minh nhưng bà L1 không cung cấp được chứng cứ nên không có căn cứ.

[8] Về chi phí định giá tài sản: Tiền chi phí định giá tài sản là 500.000 đồng. Chị Đ và anh T mỗi người phải chịu 250.000 đồng. Chị Đ đã nộp tạm ứng số tiền này nên anh T phải trả lại cho chị Đ 250.000 đồng.

[9] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Thị Trinh Đ phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng và phải chịu tiền án phí có giá ngạch là 922.000 đồng.

Anh Ngô Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.222.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên theo quy định của pháp luật bà L được miễn án phí nên miễn án phí cho bà L.

[10] Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 91, 147, 165, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 9, 55, 57, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm d khoản 1 điều 12, điều 26, các điểm a, e khoản 5, khoản 7 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Trinh Đ và anh Ngô Văn T.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Trinh Đ được trực tiếp nuôi con là Ngô Lê Bá T1, sinh ngày 23/02/2017, anh Ngô Văn T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Anh Ngô Văn T được quyền sở hữu 01 chiếc xe Honda hiệu Winer biển số 64H1 – 179.20 do chị Lê Thị Trinh Đ đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007584 do Công an thị xã Bình Minh cấp ngày 20/10/2016, anh Ngô Văn T phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký sở hữu xe máy theo quy định của pháp luật. Anh Ngô Văn T phải có nghĩa vụ trả một nửa tiền giá trị xe máy cho chị Lê Thị Trinh Đ là 18.438.400 đ (mười tám triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm đồng).

4. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Mười H và bà Thạch Thị Kim L: Buộc anh Ngô Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn Mười H và bà Thạch Thị Kim L số tiền là 6.000.000 đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L1 yêu cầu chị Lê Thị Trinh Đ trả số vàng 5,5 chỉ vàng 18k.

6. Về án phí:

Chị Lê Thị Trinh Đ phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng và phải chịu tiền án phí có giá ngạch là 922.000 đồng. Chị Lê Thị Trinh Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo lai thu số 0015012 và 562.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015013 ngày 01/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân nên được trừ qua, chị Đ còn phải nộp tiền án phí là 360.000 đồng.

Anh Ngô Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.222.000 đồng.

Trả cho ông Lê Văn Mười H và bà Thạch Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012018 ngày 10/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị L1. Trả cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015032 ngày 19/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TANDT. Vĩnh Long;
- VKSNDH. Bình Tân;
- THAH. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng